

A STUDY ON SOME FACTORS AFFECTING JOB-SEEKING SKILLS AFTER GRADUATION IN QUANG BINH UNIVERSITY

NGHIÊN CỨU YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KỸ NĂNG TÌM VIỆC LÀM
SAU TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Nguyễn Thị Xuân Hương
Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *In the context of integration and the strong impact of the industrial revolution 4.0, careers for young people are attracting many people's attention with a greater range of difficulties. In Vietnam, facing difficulties in finding job and meeting the employers' needs of college graduates is a major obstacle that waste of human resources. In the article, the researchers evaluate the subjective and objective factors which have impact on the job-seeking skills of Quang Binh University's students, propose some solutions in creating a favorable environment to promote young human resources after the training process.*

Keywords: *Students, job-seeking skills, graduation, Quang Binh University.*

TÓM TẮT: *Trong bối cảnh hội nhập và tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, việc làm cho giới trẻ đang được nhiều người quan tâm với nhiều vấn đề đặt ra. Ở Việt Nam, những khó khăn trong tìm kiếm cơ hội việc làm, đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng của sinh viên mới ra trường đang là một trở lực lớn, gây lãng phí nguồn nhân lực. Trong giới hạn của bài viết, nhóm nghiên cứu khảo sát, đánh giá các yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Quảng Bình, đề xuất nhóm giải pháp nhằm tạo động lực, môi trường thuận lợi để phát huy nguồn nhân lực trẻ sau quá trình đào tạo.*

Từ khóa: *Sinh viên, kỹ năng tìm việc làm, tốt nghiệp, Trường Đại học Quảng Bình.*

1. MỞ ĐẦU

Quá trình hội nhập của Việt Nam đã tạo ra nhiều cơ hội để phát triển song cũng có nhiều thách thức đặt ra, trong đó việc làm được đặt vào vị trí hàng đầu trong các chính sách phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Dưới sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, vấn đề việc làm là mối quan tâm lớn của nhiều quốc gia, đặc biệt đối với thế hệ trẻ - nhân

lực quan trọng để phục vụ cho đất nước.

Bên cạnh, việc tích lũy tri thức chuyên môn trong quá trình đào tạo, việc rèn luyện các kỹ năng cơ bản cũng là điều cần thiết để đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Một trong những kỹ năng mà sinh viên cần có là kỹ năng tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Đây là tổ hợp những kỹ năng quan trọng giúp sinh viên tự tin, thuyết phục được nhà tuyển dụng để tìm kiếm cơ hội việc làm. Đồng thời cũng là cách để truyền tải sản phẩm đào tạo

của nhà trường tới nhà tuyển dụng, tạo sự gắn kết giữa cơ sở giáo dục - đào tạo và thị trường lao động. Rèn luyện kỹ năng tìm việc làm chính là tạo dựng cho bản thân có được một ngành nghề phù hợp, đem lại tương lai vững chắc, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển. Thực tế cho thấy, ở các trường đại học, bên cạnh những sinh viên sau khi tốt nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, rất nhiều sinh viên có phẩm chất nhân cách tốt, xếp loại học tập giỏi, khá nhưng vẫn không tìm được việc làm, hoặc làm việc trái ngành đã chọn. Đây chính là lý do khiến họ cảm thấy khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu ngành nghề, không hứng thú và gắn bó với nghề đã chọn. Điều này vừa ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng nguồn nhân lực đất nước, vừa gây lãng phí nguồn nhân lực được đào tạo.

Trường Đại học Quảng Bình là trường đại học duy nhất trong toàn tỉnh, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực. Hằng năm, Trường có gần 1000 sinh viên tốt nghiệp ra trường. Tuy nhiên, số lượng sinh viên không có việc làm, làm việc không phù hợp chuyên ngành đào tạo chiếm tỉ lệ không nhỏ. Theo số liệu thống kê tình hình việc làm sau tốt nghiệp năm 2018 (khảo sát năm 2019) của Nhà trường [5]: Khảo sát 275/ 724 sinh viên các ngành tốt nghiệp hệ đại học, có 90 sinh viên làm việc đúng ngành đào tạo, 42 sinh viên làm việc liên quan đến ngành đào tạo, 55 sinh viên làm việc không liên quan đến ngành đào tạo, 8 sinh viên tiếp tục học lên, 85 sinh viên chưa có việc làm, tỉ lệ sinh viên có việc làm trên tổng số sinh viên tốt nghiệp là 26.9%. Có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến sinh viên ra trường

không tìm được việc làm, trong đó sinh viên thiếu kỹ năng tìm kiếm việc làm hoặc các kỹ năng này đạt ở mức độ thấp. Trên cơ sở khảo sát, đánh giá thực trạng của các yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến kỹ năng tìm việc làm của sinh viên, bài viết đề xuất một số biện pháp tác động nhằm giúp sinh viên nâng cao kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

2.1. Khái niệm việc làm, kỹ năng và kỹ năng tìm việc làm của sinh viên

Khái niệm việc làm được nghiên cứu và định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Theo tổ chức Lao động Quốc tế (ILO): *“Việc làm là những hoạt động lao động được trả công bằng tiền hoặc hiện vật”* [1]. Tương tự như vậy, từ điển tiếng Việt cũng định nghĩa *“Việc làm là công việc được giao cho làm và được trả công”* [2]. Bộ luật Lao động năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 tại Điều 9 mục việc làm, giải quyết việc làm đã khẳng định: *“Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm.”* [3]. Theo Bộ luật Lao động năm 2019, tại Điều 13 khẳng định: *“Mọi hoạt động tạo ra thu nhập, không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận là việc làm”* [3]. Trên thực tế, việc làm thể hiện dưới 3 hình thức: làm công việc để nhận tiền lương, tiền công hoặc hiện vật cho công việc; làm công việc để thu lợi cho bản thân và sử dụng hoặc quyền sở hữu (một phần hay toàn bộ) tư liệu sản xuất để tiến hành công việc đó; làm các công việc cho hộ gia đình mình nhưng không được trả thù lao dưới hình thức tiền lương, tiền công cho

công việc đó (sản xuất nông nghiệp, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp).

Kỹ năng được nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài quan tâm từ rất lâu như V.A Crucheski, A.G Côvaliov, K.K Platônov, A.V Petrôvxki, J.N.Richard... đã chỉ ra, kỹ năng là sự thực hiện thuần thục các hành động có ý thức để thực hiện hiệu quả một hoạt động nào đó trên cơ sở tri thức, kinh nghiệm đã tích lũy [dẫn theo 4]. Như vậy, kỹ năng vừa có mặt kỹ thuật vừa là mặt biểu hiện của năng lực. Người có kỹ năng khi thực hiện các thao tác của hành động theo một trật tự đúng và đạt được mục đích cụ thể tương ứng với hành động đó. Với quan niệm như vậy, một thời gian khá dài nhiều người tin rằng kỹ năng là chìa khóa để cá nhân giải quyết mọi khó khăn trong hoạt động nghề nghiệp, học tập hay các hoạt động liên quan khác [4].

Ở Việt Nam, một số tác giả nghiên cứu về kỹ năng lý thuyết và thực tiễn như: Phạm Minh Hạc, Nguyễn Quang Uẩn, Hồ Ngọc Đại, Lê Văn Hồng, Trần Trọng Thủy, Trần Hữu Luyện, Đỗ Hồng Giang, Nguyễn Thanh Ngọc... trong đó tập trung vào kỹ năng giao tiếp và kỹ năng nghề nghiệp ở nhiều đối tượng khách thể khác nhau, nghiên cứu dưới dạng thống kê, khảo sát về việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp. Như vậy, các nghiên cứu về kỹ năng tìm việc đặc biệt là nghiên cứu về kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Quảng Bình chưa được đi sâu nghiên cứu. Dựa trên các quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu, chúng tôi cho rằng: “*Kỹ năng tìm việc là được hiểu là khả năng sinh viên*

thực hiện có hiệu quả quá trình tìm việc làm bằng cách lựa chọn và vận dụng những kiến thức về ngành học, kiến thức xã hội, kinh nghiệm tích lũy trong quá trình học tập và rèn luyện vào thực tiễn tìm việc làm”.

2.2. Nghiên cứu thực trạng

2.2.1. Về khách thể nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu:

Nhóm nghiên cứu khảo sát, điều tra sinh viên đại học chính quy khóa 58 và 59 của Trường Đại học Quảng Bình.

- Khách thể: nghiên cứu 310 sinh viên chuyên ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Ngôn ngữ Anh, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Luật.

- Phương pháp: nghiên cứu điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu và thống kê toán học để xử lý số liệu kết quả khảo sát bằng phần mềm SPSS với cách qui ước điểm trong bảng hỏi và phỏng vấn như sau: Ảnh hưởng nhiều: 3 điểm; ít ảnh hưởng: 2 điểm; không ảnh hưởng: 1 điểm. Qui ước xếp loại giá trị trung bình như sau:

$1 \leq \text{ĐTB} \leq 1,67$: Ảnh hưởng ở mức độ thấp.

$1,68 < \text{ĐTB} \leq 2,33$: Ảnh hưởng ở mức độ trung bình.

$2,34 < \text{ĐTB} \leq 3$: Ảnh hưởng ở mức độ cao.

2.2.2. Kết quả nghiên cứu:

2.2.2.1. Các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến kỹ năng tìm việc làm của sinh viên

Có nhiều yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến kỹ năng tìm việc làm của sinh viên, qua nghiên cứu chúng tôi thu được kết quả thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan đến kỹ năng tìm việc làm của sinh viên

| TT | Các yếu tố chủ quan | Mức độ | | | | | | ĐTB | TB |
|-----------------------|--|-----------------|------|--------------|------|-----------------|-----|------|----|
| | | Ảnh hưởng nhiều | | Ảnh hưởng ít | | Không ảnh hưởng | | | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | | |
| 1 | Yếu tố về mặt thể chất | 178 | 57.4 | 121 | 39.0 | 11 | 3.5 | 2.54 | 7 |
| 2 | Nhận thức về kỹ năng tìm việc | 221 | 71.3 | 85 | 27.5 | 4 | 1.3 | 2.71 | 3 |
| 3 | Động cơ, hứng thú nghề nghiệp | 228 | 73.5 | 80 | 25.8 | 2 | 0.6 | 2.73 | 2 |
| 4 | Đặc điểm tính cách, khí chất | 182 | 58.7 | 120 | 38.1 | 8 | 2.6 | 2.56 | 6 |
| 5 | Năng lực của bản thân | 191 | 61.6 | 117 | 37.7 | 2 | 0.6 | 2.61 | 4 |
| 6 | Ý chí quyết tâm, kiên trì của sinh viên | 244 | 78.7 | 66 | 21.3 | 0 | 0 | 2.79 | 1 |
| 7 | Kinh nghiệm tham gia các hoạt động ngoại khóa để tìm kiếm việc làm | 182 | 58.7 | 124 | 40.0 | 4 | 1.3 | 2.57 | 5 |
| Điểm trung bình chung | | | | | | | | 2.64 | |

* Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; TB: Thứ bậc

Từ số liệu ở Bảng 1 cho thấy, có nhiều yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên. Trong các yếu tố đó, ảnh hưởng nhiều nhất là tính tích cực cá nhân, động cơ tìm việc làm của cá nhân thể hiện trong yếu tố “*Ý chí quyết tâm, kiên trì của sinh viên*” (với ĐTB: 2.79) xếp bậc 1. Kết quả này cũng là điều dễ hiểu bởi quá trình rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp nói chung và kỹ năng tìm việc làm nói riêng là quá trình lâu dài, liên tục và có hệ thống. Quá trình này gặp nhiều khó khăn, thử thách đòi hỏi sinh viên cần phải có ý chí, sự kiên trì để đạt được mục đích mong muốn. Các yếu tố “*Động cơ, hứng thú nghề nghiệp*” (ĐTB: 2.73), xếp bậc 2 và “*Nhận thức về kỹ năng tìm việc*” (ĐTB: 2.71), xếp bậc 3. Nhận thức, động cơ, hứng thú và nhận thức đều là những thuộc tính cơ bản

của nhân cách, sinh viên có động cơ tìm việc rõ ràng, có hứng thú say mê với nghề nghiệp của mình thì đó là động lực quan trọng để thúc đẩy các em rèn luyện, nâng cao kỹ năng tìm việc làm khi ra trường. Qua phỏng vấn, sinh viên L.T.T ngành Giáo dục Mầm non, khóa 59 biết cho biết: *Bản thân rất em thích trẻ em, rất thích nghề giáo viên. Do vậy, trong quá trình học dù khó khăn em cũng phải cố gắng học tập, rèn các kỹ năng nghề nghiệp và rèn cả kỹ năng xin việc để dễ kiếm việc khi ra trường. Đồng thời, ngay từ khi vào trường em đã biết được nghề giáo viên có thu nhập ổn định, phù hợp với năng lực của em rất yên tâm học*. Xếp bậc 4 là “*Năng lực của bản thân*” (ĐTB: 2.61). Năng lực là một phẩm chất quan trọng của nhân cách bởi đó là yếu tố tạo nên thành công. Trong hoạt động tìm

việc làm, sinh viên có năng lực sẽ dễ dàng hơn trong việc thực hiện cũng như rèn luyện kỹ năng tìm việc. Tiếp ở bậc 5, 6, 7 là các yếu tố: “*Kinh nghiệm tham gia các hoạt động ngoại khóa để tìm kiếm việc làm*” (ĐTB: 2.57), “*Đặc điểm tính cách, khí chất*” (ĐTB: 2.56), “*Yếu tố về mặt thể chất*” (ĐTB: 2.54). Những yếu tố này cũng ảnh

hưởng nhiều đến kỹ năng tìm việc của các sinh viên. Từ kết quả khảo sát trên cho thấy, các yếu tố chủ quan ảnh hưởng khá đồng đều đến kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên và có mức độ ảnh hưởng nhiều với điểm trung bình chung là 2.64.

2.2.2.2. *Các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kỹ năng tìm việc của sinh viên*

Bảng 2. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan đến kỹ năng tìm việc làm của sinh viên

| TT | Các yếu tố khách quan | Mức độ | | | | | | ĐTB | TB |
|-----------------------|--|-----------------|------|--------------|------|-----------------|-----|------|----|
| | | Ảnh hưởng nhiều | | Ảnh hưởng ít | | Không ảnh hưởng | | | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | | |
| 1 | Chương trình đào tạo tại các ngành học | 218 | 70.3 | 90 | 29.0 | 2 | 0.6 | 2.7 | 1 |
| 2 | Sự hỗ trợ từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị đào tạo | 165 | 53.2 | 136 | 43.9 | 9 | 2.9 | 2.5 | 6 |
| 3 | Phương pháp giảng dạy, hướng dẫn, tư vấn của giảng viên | 208 | 65.8 | 97 | 31.3 | 5 | 1.6 | 2.65 | 2 |
| 4 | Sự giúp đỡ, hợp tác từ bạn bè và người thân | 192 | 61.9 | 108 | 34.8 | 10 | 3.2 | 2.59 | 5 |
| 5 | Các CTĐT kỹ năng mềm do Nhà trường phối hợp đơn vị, cá nhân ngoài trường tổ chức | 198 | 63.9 | 105 | 33.9 | 7 | 2.3 | 2.62 | 3 |
| 6 | Các hoạt động ngoại khóa do Nhà trường tổ chức | 194 | 62.6 | 108 | 34.8 | 8 | 2.6 | 2.60 | 4 |
| 7 | Môi trường, điều kiện và trang thiết bị phục vụ hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên | 157 | 50.6 | 132 | 42.6 | 21 | 6.8 | 2.44 | 7 |
| Điểm trung bình chung | | | | | | | | 2.59 | |

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; TB: Thứ bậc

Bảng 2 cho thấy, các yếu tố khách quan có ảnh hưởng mạnh mẽ đến kỹ năng tìm việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp (2.59). Trong các yếu tố khách quan, yếu tố ảnh

hưởng nhiều nhất đó là “*Chương trình đào tạo các ngành học*” (ĐTB: 2.7) xếp bậc nhất. Vì chương trình đào tạo các ngành học được xây dựng với mục tiêu, chuẩn đầu ra

được xác định rõ ràng, cụ thể bao quát những yêu cầu chung của bậc đại học cũng như những yêu cầu chuyên biệt của từng ngành đào tạo. Nội dung chương trình là hệ thống các học phần được xây dựng cân đối giữa lý thuyết và thực hành, được bố trí hợp lý theo từng kỳ học để đảm bảo cho sinh viên phát triển toàn diện nhân cách, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Vì vậy, chương trình đào tạo được sinh viên đánh giá có ảnh hưởng khá nhiều tới việc hình thành kỹ năng tìm kiếm việc làm cho sinh viên. Yếu tố “*Phương pháp giảng dạy, hướng dẫn, tư vấn của giảng viên*” (ĐTB:2.65) xếp ở bậc 2. Bởi giảng viên chính là những người được đào tạo bài bản về chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, gần gũi với sinh viên nhiều nhất. Trong mỗi giờ lên lớp hay trong các buổi thực tế chuyên môn, ngoại khóa, nhờ phương pháp giảng dạy linh hoạt, sự hướng dẫn, tư vấn tận tình của giảng viên là yếu tố quan trọng để các em lĩnh hội những tri thức khoa học, rèn luyện kỹ năng nghề nói chung và kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp nói riêng. Xếp bậc 3 là yếu tố “*Các CTĐT kỹ năng mềm do Nhà trường phối*

hợp đơn vị, cá nhân ngoài trường tổ chức” (ĐTB: 2.62). Ngoài những nội dung trong chương trình đào tạo, chính sự phối hợp giữa Nhà trường và các đơn vị, tổ chức ngoài trường trong tổ chức đào tạo các kỹ năng mềm rất thiết thực với sinh viên. Đặc biệt, sinh viên năm cuối rất cần được hướng dẫn, rèn luyện những kỹ năng tìm việc để khi ra trường không khỏi bỡ ngỡ, lúng túng trong quá trình tìm việc làm. Sinh viên N.T.H sinh viên khóa 59 tâm sự: *Chúng em rất cần những buổi tập huấn, những chương trình đào tạo các kỹ năng mềm, đặc biệt là kỹ năng tìm việc làm. Đối với chúng em, có được việc làm sau tốt nghiệp là điều chúng em mong muốn nhất. Ngoài ra, các yếu tố khác như “Các hoạt động ngoại khóa do Nhà trường tổ chức”, “Sự giúp đỡ, hợp tác từ bạn bè và người thân”, “Môi trường, điều kiện và trang thiết bị phục vụ hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên”* cũng ảnh hưởng nhiều đến kỹ năng tìm việc của sinh viên.

*** So sánh yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến kỹ năng của sinh viên**

Bảng 3. Mức độ ảnh hưởng của nhóm các yếu tố chủ quan và khách quan tới kỹ năng

| Nhóm các yếu tố | Phân bố điểm trung bình | | | | | ĐTB |
|-------------------|-------------------------------|---|-------------------------------|---|----------------------------|------|
| | $1 \leq \text{ĐTB} \leq 1,67$ | | $1,68 < \text{ĐTB} \leq 2,33$ | | $2,34 < \text{ĐTB} \leq 3$ | |
| | SL | % | SL | % | | |
| Chủ quan | 0 | 0 | 0 | 0 | 7 | 2,64 |
| Khách quan | 0 | 0 | 0 | 0 | 7 | 2,59 |
| Độ chênh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0,05 |

Bảng 3 cho thấy, mức độ ảnh hưởng của yếu tố chủ quan và khách quan đến kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp của sinh

viên là tương đương nhau, độ chênh không đáng kể (0.05). Các yếu tố ở cả hai nhóm đều phân bố ở mức độ ảnh hưởng nhiều.

Như vậy, việc hiểu khảo sát, đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan và khách quan là điều quan trọng để đưa ra những biện pháp tác động cần thiết nhằm nâng cao kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp cho sinh viên.

2.3. Một số biện pháp nâng cao kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp cho sinh viên

2.3.1. Chú trọng xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với thực tế ngành nghề hiện nay

- *Mục đích:* Chương trình đào tạo của ngành học có vai trò quyết định chất lượng đào tạo của Nhà trường, quyết định nguồn nhân lực cho xã hội. Vì vậy, xây dựng chương trình đào tạo của ngành học phải đảm bảo mục tiêu đào tạo, phù hợp với yêu cầu ngành nghề, với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tìm việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp.

- *Cách thực hiện:* Việc xây dựng chương đào tạo cần được thực hiện đúng các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, các văn bản hướng dẫn của Nhà trường. Trong quá trình xây dựng, ngoài việc tham khảo ý kiến của giảng viên, sinh viên, việc lấy ý kiến từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để xác định yêu cầu của nhà tuyển dụng là rất cần thiết để xây dựng chương trình phù hợp với ngành nghề, đáp ứng yêu cầu xã hội hiện nay.

Để làm được điều đó, cần tăng cường nhiều hơn việc tổ chức các hội thảo về xây dựng chương trình đào tạo, xây dựng chuẩn đầu ra với sự tham gia của các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp, cựu sinh viên, giáo viên để lắng nghe ý kiến trực tiếp nhằm xây dựng, điều chỉnh chương trình. Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến về xây dựng, bổ sung, góp ý chương trình đào tạo được thực hiện

qua phiếu khảo sát hằng năm cần thực hiện một cách sâu sát, khoa học để tránh hình thức, không đem lại hiệu quả. Như vậy, việc có được những ý kiến thiết thực từ các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp là cơ sở quan trọng để các ngành đào tạo xây dựng chương trình khoa học, đảm bảo cho sinh viên vừa tích lũy kiến thức trong quá trình đào tạo vừa rèn luyện hình thành các kỹ năng cần thiết trong đó không thể thiếu kỹ năng tìm việc làm.

2.3.2. Giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp

- *Mục đích:* Giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp, từ đó có thái độ đúng đắn và tích cực tham gia rèn luyện nhằm nâng cao các kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp.

- *Cách thực hiện:* Xây dựng ra bài tập, tình huống để sinh viên thực hiện theo từng kỹ năng cụ thể. Bài tập từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp và đảm bảo khi sinh viên làm được các bài tập, xử lý các tình huống thì hình thành được nhiều kỹ năng tìm việc. Cùng với việc xây dựng bài tập, tình huống, cần hướng dẫn sinh viên cách làm bài tập và quy trình xử lý các tình huống như thế nào cho phù hợp.

Ví dụ bài tập thực hành có thể xây dựng dưới dạng sau:

Phần rèn luyện kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, có thể xây dựng một số bài tập thực hành như: *Anh (chị) hãy viết một thư ứng tuyển cho một vị trí tuyển dụng mà anh chị đang quan tâm. Anh (chị) hãy chuẩn bị một bộ hồ sơ ứng tuyển bao gồm: thư ứng tuyển, hồ sơ cá nhân, văn bằng, chứng chỉ...* Các tình huống xây dựng phải xuất phát từ thực tiễn và làm theo từng nội dung của kỹ

năng. Ví dụ trong việc rèn kỹ năng giao tiếp với nhà tuyển dụng mình có thể xây dựng tình huống như sau: HL là sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc nên rất tự tin về bằng cấp của mình. Hồ sơ xin việc của HL có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ, giấy khen về thành tích học tập và hoạt động nên gây được ấn tượng với nhà tuyển dụng. Lần nào nộp hồ sơ, HL cũng đều được gọi phỏng vấn, trong khi các ứng viên đến phỏng vấn luôn chuẩn bị kỹ lưỡng về trang phục, đầu tóc, trang điểm bắt mắt..., riêng HL cho rằng đây là đi xin việc chỉ cần bằng cấp, kinh nghiệm, giấy khen và không cần chú trọng hình thức. Do vậy, HL không để tâm đến diện mạo bề ngoài, cử chỉ, điệu bộ của mình, thậm trí HL còn diện những bộ quần áo, giày dép không phù hợp công sở đến phỏng vấn ... Dù được phỏng vấn rất nhiều công ty nhưng HL chưa trúng tuyển chính thức vào công ty nào. Anh (chị) có lời khuyên cho HL như thế nào?

Việc xây dựng và sử dụng các bài tập, các tình huống hợp lý là phương tiện dạy cho sinh viên kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp. Như các nhà tâm lý học Xô Viết đã nhấn mạnh, việc thực hiện các bài tập tư duy chiếm vị trí trung tâm trong các kỹ năng trí tuệ của con người. Hoạt động tư duy của con người đạt hiệu suất cao có liên quan chặt chẽ tới việc giải các bài tập, bởi quá trình giải bài tập được đặc trưng bởi sự căng thẳng trí tuệ cao độ và đòi hỏi cá nhân sự tìm kiếm độc lập. Qua việc thực hiện các bài tập, xử lý các tình huống sẽ giúp sinh viên nâng dần và thuần thục kỹ năng tìm việc làm. Do vậy, vừa tốt nghiệp, sinh viên sẽ cảm thấy tự tin thực hiện quy trình tìm việc mà không khỏi ngỡ ngàng, lúng túng.

2.3.5. Tổ chức hội nghị tư vấn việc làm, hội thảo trao đổi kinh nghiệm về kỹ năng tìm

việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp

- Mục đích: Thông qua các hội thảo này, sinh viên sẽ học hỏi thêm nhiều kiến thức, kinh nghiệm rèn luyện các kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp.

- Cách thực hiện: Nhà trường cần định kỳ tổ chức các hội nghị tư vấn việc làm, hội thảo, các buổi trao đổi thảo luận về kỹ năng nghề nghiệp, các vấn đề về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, tổ chức các buổi giao lưu gặp gỡ cựu sinh viên, doanh nghiệp để nắm bắt được những thông tin về quá trình tìm việc và cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau tốt nghiệp. Trường cần cung cấp cho sinh viên hệ thống tài liệu liên quan đến ngành học, cơ hội việc làm sau tốt nghiệp; tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế về công việc tại các đơn vị tuyển dụng, giúp các em tích lũy kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp.

2.3.6. Tăng cường vai trò tư vấn, hướng dẫn của giảng viên trong việc giúp sinh viên rèn kỹ năng tìm việc sau tốt nghiệp

- Mục đích: Giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn, thái độ chủ động, hài lòng và thực hiện hoạt động rèn luyện đạt kết quả cao.

- Cách thực hiện: Thông qua các bài học trên lớp, thông qua các buổi thực hành, các hoạt động ngoại khóa,...giảng viên luôn có sự theo dõi, sâu sát sinh viên, động viên, khích lệ để các em rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tìm việc làm. Bên cạnh đó, việc rèn và nâng cao kỹ năng tìm việc làm của sinh viên được thực hiện thông qua các đợt đi kiến tập, thực tập ở các cơ sở giáo dục, các doanh nghiệp, công ty... Vì vậy, giảng viên cũng có sự theo dõi, sâu sát hướng dẫn cho các em từng bước một để các em có cơ hội phát triển tốt các kỹ năng của mình.

Giảng viên cũng cần phải chủ động phối hợp cùng với các phòng ban, Đoàn

thanh niên, Hội sinh viên trong tổ chức các hoạt động ngoại khóa thiết thực, giúp sinh viên có cơ hội học hỏi, thực hành các kỹ năng tìm việc làm. Điều này đòi hỏi giảng viên không ngừng tự học, tự bồi dưỡng về kiến thức, năng lực sáng tạo; tham gia tích cực các khóa đào tạo, các hội nghị hội thảo, các đợt tập huấn nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp, đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp của giảng viên giảng dạy đại học.

3. KẾT LUẬN

Việc làm sau tốt nghiệp luôn là mối quan tâm hàng đầu của sinh viên, của gia đình và xã hội với mong muốn có được việc làm đúng ngành nghề đào tạo để phát huy năng lực, trình độ, kỹ năng của người được đào tạo. Kết quả nghiên cứu cho thấy, kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên chịu sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan. Các yếu tố

chủ quan ảnh hưởng khá đồng đều đến kỹ năng tìm việc làm, trong đó các yếu tố ảnh hưởng nhiều như: *Ý chí quyết tâm, kiên trì của sinh viên, động cơ, hứng thú nghề nghiệp, nhận thức về kỹ năng tìm việc...* Các yếu tố khách quan cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến kỹ năng tìm việc, nhiều nhất là các yếu tố: *Chương trình đào tạo các ngành học, phương pháp giảng dạy, tư vấn của giảng viên, các chương trình đào tạo kỹ năng mềm do Nhà trường phối hợp với các đơn vị ngoài trường tổ chức...* Và mức độ ảnh hưởng của hai nhóm đến kỹ năng tìm việc làm đều ảnh hưởng ở mức độ cao. Trên cơ sở kết quả khảo sát, nhóm nghiên cứu đã đề xuất 6 biện pháp giúp sinh viên Trường Đại học Quảng Bình có cách nhìn nhận mới về vấn đề việc làm, đồng thời nâng cao kỹ năng tìm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Hồng Giang (2014), *Kỹ năng tìm việc làm của thanh niên khuyết tật vận động trong độ tuổi từ 18 đến 25 ở Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Hoàng Phê (chủ biên) (2000), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [3] Quốc Hội Việt Nam, Luật lao động năm 2019.
- [4] Nguyễn Thị Kim Sáu (2015), *Kỹ năng tìm việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Trường Đại học Quảng Bình, Báo cáo tình hình việc làm sinh viên năm 2019.

Liên hệ:

ThS. Nguyễn Thị Xuân Hương

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Quảng Bình

Địa chỉ: 312 Lý Thường Kiệt, Đồng Hới, Quảng Bình

Email: hivongngaymai2011@gmail.com

Ngày nhận bài:

Ngày gửi phản biện:

Ngày duyệt đăng: